

履 歷 書

(lịch cá nhân)

年 月 日現在
(năm, ngày, tháng)

写真をはる位置
写真をはる必要がある場合
1.縦 36~40mm
横 24~30mm
2.本人単身胸から上
3.裏面のりづけ

nơi dán hình
kích cỡ
1. bề dài 36~40mm
bề ngang 24~30mm
2.hình từ ngực trở lên
3.ghi tên phía mặt sau hình

ふりがな (tên tiếng nhật)		
氏名 (tên)		
年 月 日生 (満 歳) năm tháng ngày sinh <tuổi>	男・女 nam . Nữ	
ふりがな (chữ furigana)	電話(diện thoại)	
〒 số bưu điện 現住所 (địa chỉ hiện tại)	メールアドレス (địa chỉ email)	
ふりがな (chữ furigana)	電話(diện thoại)	
〒 số bưu điện (現住所以外に連絡を希望する場合のみ記入) 連絡先 <địa chỉ liên hệ> khi cần liên lạc ngoài địa chỉ trên nếu có địa chỉ khác xin ghi vào	メールアドレス (địa chỉ email)	

年 (năm)	月 (tháng)	学 歴・職 歴 (各別にまとめて書く) lịch sử học . lịch sử công việc (phân loại và viết tóm gọn)

記入上の注意 (chú ý khi ghi) 1. 鉛筆以外の黒又は青の筆記具で記入。(bạn nên ghi bằng bút mực đen hoặc xanh) 2. 数字はアラビア数字で、文字はくずさず正確に書く。(không ghi mờ, viết chính xác bằng chữ số Ả Rập)

年 (năm)	月 (tháng)	学 歴・職 歴 (各別にまとめて書く) lịch sử học . lịch sử công việc (phân loại và viết tóm gọn)

年 (năm)	月 (tháng)	資 格・免 許 bằng cấp, giấy phép

志望の動機、特技、好きな学科、アピールポイントなど (bạn hãy nêu điểm nổi bật, sở trường và nguyện vọng, v.v)	通勤時間(thời gian đi làm)
	約 時間 分 khoảng thời gian phút
	扶養家族数(配偶者を除く) 人
配偶者 (chồng, vợ)	配偶者の扶養義務 (người chịu trách nhiệm hỗ trợ)
	有・無 có/không
有・無 có/không	有・無 có/không

本人希望記入欄 (特に給料・職種・勤務時間・勤務地・その他についての希望などがあれば記入)

ghí nguyện vọng của bạn (tiền lương, loại việc, thời gian, nơi làm việc, ngoài ra nếu có nguyện vọng khác bạn có thể ghi vào)

①基本的に黒のボールペンで記入する ②書き間違えたら書き直す ③年は西暦でOK ④すべての項目に記入する

履歴書

氏名は、在留カードと同じ順番で記入する
(通称名でもOK)

郵送または持参する当日の日付

2020年 5月 1日現在

●写真は3か月以内になるべくフォーマルで撮ったもの
●写真の裏面に氏名を書く

写真をはる位置
写真をはる必要がある場合
1. 縦 36~40mm
横 24~30mm
2. 本人単身胸から上
3. 裏面のりづけ

どちらかに○をつける

ふりがな	こくさい ていあ ようこ
氏名	Kokusai Tia Yoko
	1988年10月1日生 (満31歳) 男・ <input checked="" type="radio"/>
ふりがな	とちぎけん うつのみやし ほんちょう
〒	〒320-0033
現住所	栃木県宇都宮市本町9-14
ふりがな	〒 (現住所以外に連絡を希望する場合のみ記入)
連絡先	同上
電話	028-621-0777
メールアドレス	tia@tia21.or.jp
電話	
メールアドレス	

年	月	学 歴・職 歴 (各別にまとめて書く)
学 歴		
2006	12	サンパウロ高等学校卒業
2007	3	サンパウロ大学経済学部経済学科入学 マーケティング理論専攻
2011	12	サンパウロ大学経済学部経済学科卒業
職 歴		
2012	1	株式会社サンパウロ銀行 入社 融資担当
2015	6	一身上の都合により退職 (契約期間満了につき退職、会社都合により退職)
2015	10	〇〇株式会社 入社 製造ライン 組立・検査業務
2017	12	結婚に伴い退職 専業主婦として子育てに専念 現在に至る
		以上

年	月	学 歴・職 歴 (各別にまとめて書く)

年	月	資 格・免 許
2016	2	普通自動車第一種免許取得
2016	10	日本語能力試験 (JLPT) N2 合格
2017	3	TOEIC公開テスト750点取得

志望の動機、特技、好きな学科、アピールポイントなど

ブラジル人 (日系三世) です。明るい性格で、接客する仕事が好きなので貴社を志望いたしました。趣味はテニスです。〇〇市で活動しているサンバ団体「〇〇」に所属しています。日本語能力試験N1合格を目指して勉強中です。

通勤時間 (自家用車使用)
約 時間 45分

扶養家族数 (配偶者を除く)
0人

配偶者 有・無 配偶者の扶養義務 有・無

配偶者 (夫または妻) がいれば有に○
配偶者の年収が130万円以上の場合、扶養義務は無に○

本人希望記入欄 (特に給料・職種・勤務時間・勤務地・その他についての希望などがあれば記入)

貴社の規定に従います。

●応募する求人勤務地が複数ある場合などは、希望する勤務地を記入する
●特に希望がない場合は「貴社の規定に従います」と記入する

記入上の注意 1. 鉛筆以外の黒又は青の筆記具で記入。 2. 数字はアラビア数字で、文字はくずさず正確に書く。

履 歴 書

Viết trình tự họ tên giống trong thẻ lưu trú (Có thể viết theo tên thường gọi)

Ngày gửi thư đi hoặc ngày nộp giấy tờ
2020年 5月 1日現在

● Ảnh chụp trong vòng 3 tháng, chụp theo phong cách lễ nghi
● Viết tên vào sau ảnh

写真をはる位置
写真をはる必要がある場合
1. 縦 36~40mm
横 24~30mm
2. 本人単身胸から上
3. 裏面のりづけ
Khoanh tròn vào mục thích hợp

Tính tuổi theo cách của người Nhật (Lúc sinh ra được tính là 0 tuổi)

ふりがな	こくさい ていあ ようこ	
氏名	Kokusai Tia Yoko	
	1988年10月1日生 (満31歳)	男・♀
ふりがな	とちぎけん うつのみやしほんちょう	電話 028-621-0777
〒	320-0033	メールアドレス tia@tia21.or.jp
現住所	栃木県宇都宮市本町9-14	
ふりがな	(現住所以外に連絡を希望する場合のみ記入)	
連絡先	同上	電話 メールアドレス
	Nêu địa chỉ liên lạc giống với địa chỉ cư trú thì viết "同上" (nghĩa là giống như trên)	

年	月	学 歴・職 歴 (各別にまとめて書く)

年	月	資 格・免 許
2016	2	普通自動車第一種免許取得 <small>Nếu có bằng lái xe ở Nhật thì viết như ở bên</small>
2016	10	日本語能力試験 (JLPT) N2 合格 <small>Nếu có chứng chỉ chứng minh năng lực tiếng Nhật thì viết ra</small>
2017	3	TOEIC公開テスト750点取得 <small>Chủ động viết ra nội dung các chứng chỉ bạn có nếu các chứng chỉ này giúp ích được cho công việc</small>

年	月	学 歴・職 歴 (各別にまとめて書く)
		学 歴
2006	12	サンパウロ高等学校卒業
2007	3	サンパウロ大学経済学部経済学科入学 マーケティング理論専攻
2011	12	サンパウロ大学経済学部経済学科卒業
		職 歴
2012	1	株式会社サンパウロ銀行 入社 融資担当
2015	6	一身上の都合により退職 (契約期間満了につき退職、会社都合により退職)
2015	10	〇〇株式会社 入社 製造ライン 組立・検査業務
2017	12	結婚に伴い退職 専業主婦として子育てに専念
		現在に至る
		以上

● Có thể bỏ qua phần giáo dục bắt buộc (cấp 1, 2) tại phần quá trình học tập (學歷)
● Thông thường, liệt kê một cấp học trước bậc học cuối cùng (VD: tốt nghiệp đại học thì viết từ giai đoạn tốt nghiệp cấp 3)
● Viết năm nhập học, năm tốt nghiệp, cùng với bộ, môn chuyên ngành tại các trường cấp 3, trường chuyên môn, trường Đại học ngắn hạn, trường trung học chuyên nghiệp, Đại học, v.v
● Nếu bỏ học hay nghỉ học thì viết sơ lược lý do

Viết tên chính thức của công ty

Viết tên công việc mà mình đảm nhiệm chính

● Nếu tự mình nghỉ việc thì viết là 「一身上の都合により退職」
● Nếu nghỉ việc sau khi kết thúc hợp đồng với công ty phải cử thì viết là 「契約期間満了につき退職」
● Nếu nghỉ do công ty phá sản hoặc tái cấu trúc thì viết là 「会社都合により退職」

● Nếu nghỉ việc với lý do kết hôn thì viết là 「結婚に伴い退職」
● Trường hợp phụ nữ không đi làm sau khi kết hôn thì viết là 「専業主婦 (として) に専念」

Cuối cùng viết 「以上」

志望の動機、特技、好きな学科、アピールポイントなど ブラジル人 (日系三世) です。明るい性格で、接客する仕事が好きなので貴社を志望いたしました。趣味はテニスです。〇〇市で活動しているサンパ団体「〇〇」に所属しています。日本語能力試験N1合格を目指して勉強中です。		通勤時間 (自家用車使用) 約 時間 45分
● Ghi sở thích, tính cách, kỹ năng đặc biệt của bạn để có thể gây ấn tượng tốt với người phỏng vấn ● Nên viết những nội dung mang tính hữu ích cho công việc		扶養家族数 (配偶者を除く) 0人
● Số người phụ thuộc trong gia đình không bao gồm bản thân bạn ● Trường hợp cả 2 vợ chồng đều làm việc, nếu con của bạn nằm trong diện phụ thuộc vào người kia thì sẽ không được tính là người phụ thuộc vào bạn. ● Người cao tuổi trên 75 tuổi không được tính là người phụ thuộc		配偶者 配偶者の扶養義務 有・無 有・無
本人希望記入欄 (特に給料・職種・勤務時間 貴社の規定に従います。		配偶者 有・無
● Nếu công việc bạn đang ứng tuyển có nhiều địa điểm làm việc, hãy ghi địa điểm bạn muốn được làm việc. ● Nếu không có nguyện vọng cụ thể nào, hãy ghi 「貴社の規定に従います」 (Tức là theo quy định của công ty)		khoanh tròn vào mục nếu có vợ hoặc chồng Nếu thu nhập của vợ hoặc chồng bạn trong 1 năm lớn hơn 130万 yen, khoanh tròn vào mục không phụ thuộc 無